

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HS-PT
Ngày: 19-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Trần Quốc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 20-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Quốc T**, sinh năm: 2001 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Thanh L, sinh năm: 1977 và bà Nguyễn Thị Bé E, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm vi phạm hành chính số 20474/QĐ-XPHC ngày 12/4/2021 của Phòng C2 Công an tỉnh B xử phạt số tiền 1.000.000đồng về hành vi điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, Trần Quốc T đến làm thuê tại Cửa hàng X1 thuộc ấp A, xã A, M, Bến Tre do ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1975, đăng ký thường trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre làm chủ. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 04/01/2022, ông H giao cho T xe mô tô biển số 71B2 - 300.85 để T đến cây xăng nêu trên nhận tiền bán xăng của các ngày 02 và ngày 03/01/2022 đem về cho ông H. T điều khiển xe đến cây xăng gặp bà Đoàn Thị C, sinh năm 1970, nơi thường trú ấp B, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre là nhân viên bán xăng tại đây nhận số tiền 80.080.000 đồng, trên đường

về đi được một đoạn thì nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên nên T tắt nguồn điện thoại rồi điều khiển xe đến Cửa hàng xe máy “Cường Thịnh” thuộc khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1969, nơi thường trú: Khu phố P, thị trấn P, làm chủ. Tại đây, T dùng 22.500.000 đồng trong số tiền vừa nhận của chị C mua một xe mô tô hiệu Yamaha, biển số 71C4 – 143.63. Sau khi mua xe, T gửi xe mô tô biển số 71B2 – 300.85 lại và nói với ông C1 “vài ngày sau có ông chú lên nhận lại”. Sau đó, T điều khiển xe mô tô vừa mua đến Thành phố Hồ Chí Minh tiêu xài cá nhân số tiền 57.580.000 đồng còn lại rồi bán xe mô tô biển số 71C4 – 143.63 tiêu xài và đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng tháng 6 năm 2022, T liên lạc với ông H yêu cầu ông H dừng tố giác sự việc với Công an và xin trả dần số tiền chiếm đoạt đồng thời kêu ông Hoàng liên H1 với chị ruột T là Trần Thị Hiền T1, sinh năm 1998, nơi thường trú ấp G, xã N, huyện M để nhận lại xe mô tô 71B2 300.85 (ông H đã nhận lại xe trên). Ngày 26/3/2024, phát hiện T trở về địa phương tại ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nên Công an xã L thông báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đến mời T làm việc. Qua làm việc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: Không có.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Quốc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. bị cáo Trần Quốc T đã tác động mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Bé E bồi thường cho ông Nguyễn Minh H đủ số tiền 80.080.000 đồng, ông H không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2024 bị cáo Trần Quốc T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định phù hợp quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, bị cáo có nhân thân xấu nên xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là phù hợp. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quốc T; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Lạm dụng

tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 01 (một) năm tù. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận.
- Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Ngày 04/01/2022 tại ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, Trần Quốc T được ông Nguyễn Minh H giao đến Cửa hàng X1 nhận số tiền bán xăng 80.080.000 đồng từ chị Đoàn Thị C mang về cho ông H. Sau khi nhận số tiền, **do có ý định chiếm đoạt số tiền** trên, T không mang về cho ông H mà mang số tiền trên bỏ trốn, tiêu xài cá nhân.

Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Quốc T, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo có nộp thêm tài liệu, chứng cứ thể hiện ông nội bị cáo là ông Nguyễn Văn P, ông cụ ngoại là ông Lê Văn X, bà cụ họ Lê Thị L1 là người có công với đất nước. Tuy nhiên, do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là dưới mức thấp nhất mà điều luật quy định là đã có xem xét cho bị cáo, xét thấy phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử;

[5] Về án phí: Bị cáo Trần Quốc T phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Quốc T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Quốc T** 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Trần Quốc T phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam (3b);
- Công an và VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh